|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …… /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày …. tháng ….. năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến**

**hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý**

**của Bộ Giao thông vận tải năm 2023**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.**Giao Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Giao thông vận tải chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần thiết để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.**Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 4.**Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND các tính, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội VNĐ Dân dộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT (3b). | **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN**

**Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải năm 2023**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg*

*ngày … tháng … năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

**Phần 1**

**LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

**I. Ngành nghề kinh doanh 1:** kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

**1. Quy định về điều kiện kinh doanh:**

**1.1. Điều kiện 1: về Phòng học Nghiệp vụ Vận tải ô tô**

**1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Bãi bỏ điều kiện về Phòng học Nghiệp vụ Vận tải ô tô quy định tại điểm e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

Lý do: trên 80% số người học lái xe không có nhu cầu làm nghề kinh doanh vận tải. Trong khi, theo Thông tư 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ người lái xe khi tham gia lái xe kinh doanh vận tải phải được tập huấn về nghiệp vụ vận tải.

**1.1.2. Kiến nghị thực thi:** bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

**1.2. Điều kiện 2: về Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa:**

**1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Bãi bỏ điều kiện về Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa quy định tại điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

Lý do: Khối lượng giảng dạy ít và nội dung giảng dạy tương đồng với nội dung giảng dạy của môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nên tích hợp với môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, để giảm chi phí cho các cơ sở đào tạo.

**1.2.2. Kiến nghị thực thi:** bãi bỏ điểm g khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

**1.3. Điều kiện 3: Về phòng học Kỹ thuật lái xe**

**1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Bãi bỏ điều kiện về Phòng học Kỹ thuật lái xe quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP).

Lý do: Khối lượng giảng dạy ít và nội dung giảng dạy tương đồng với nội dung giảng dạy của môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nên tích hợp với môn Cấu tạo và sửa chữa thông thường, để giảm chi phí cho các cơ sở đào tạo.

**1.3.2. Kiến nghị thực thi:** bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP.

**2. Quy định về thủ tục hành chính:**

**2.1.** **Thủ tục hành chính 1**: Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

**2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 và điểm b khoản 2 Điều 9 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.1.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 2 Điều 8 và điểm b khoản 2 Điều 9 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 138/2018/NĐ-CP)*.*

**2.2.** **Thủ tục hành chính 2**: Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

**2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 10

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.2.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* khoản 2 Điều 10*.*

**2.3. Thủ tục hành chính 3: Cấp giấy phép xe tập lái**

**2.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.3.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN”* khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại giấy phép xe tập lái**

**2.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.4.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* khoản 2 Điều 11 và điểm a và b khoản 2 Điều 12 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép đào tạo lái xe**

**2.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.5.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.6. Thủ tục hành chính 6: Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe khi** điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

**2.6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.6.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.7. Thủ tục hành chính 7: Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe khi** bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác

**2.7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.7.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ cụm từ “Cục ĐBVN” tại* điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm b và c khoản 2 Điều 14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.8. Thủ tục hành chính 8:** **Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2**

**2.8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.8.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 2 Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.9. Thủ tục hành chính 9:** **Thủ tục cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động**

**2.9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 21 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.9.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động**

**2.10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.10.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 3 Điều 19 và điểm b khoản 1 Điều 23 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP)*.*

**2.11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc**

**2.11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Phân cấp cho địa phương thực hiện toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 119/2021/NĐ-CP

Lý do: thực hiện Nghị Quyết số 04/NQ-CP, cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

**2.11.2. Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Thay thế cụm từ “Cục ĐBVN” thành cụm từ “Sở GTVT”* quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 119/2021/NĐ-CP*.*

**Phần II**

**LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM**

**I. Ngành nghề kinh doanh 1:** sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu tổng thành, thiết bị, linh kiện phương tiện giao thông đường sắt.

Mã VSIC: …………………..

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

Ngành nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1.** **Thủ tục hành chính 1**: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

**1.1.1.Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa** *(nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)*

Đưa ra khỏi Phụ lục II Thông tư 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải một số sản phẩm sau: Kính an toàn, Bộ đèn chiếu sáng phía trước đầu máy, Lò xo thuộc hệ treo của giá chuyển hướng, Thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu đoàn tàu, Thiết bị cảnh báo lái tàu (thiết bị chống ngủ gật).

Lý do: Sản phẩm có số lượng nhập khẩu ít, hiện chưa có Quy chuẩn kỹ thuật riêng và đã được kiểm tra theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện khi lắp ráp lên phương tiện

**1.1.2.Kiến nghị thực thi** *(nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): S*ửa đổi mục 9, 10 Phần VI - Lĩnh vực đường sắt tại Phụ lục II Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp quy của Thông tư 12/2022/TT-BGTVT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải và Điều 3 Thông tư 29/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt*.*

**II. Ngành nghề kinh doanh 1: Đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển**

**1. Điều kiện 1: Điều kiện về cán bộ kỹ thuật, kiểm tra chất lượng và thợ đóng tàu**

**1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa**

- Đơn giản điều kiện về nhân lực đối với cơ sở đóng tàu theo hướng giảm khoảng 25% số lượng cán bộ kỹ thuật

Lý do: Hiện nay có nhiều phần mềm hỗ trợ nên có thể giảm số lượng cán bộ kỹ thuật để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tham gia hoạt động kinh doanh này.

- Giảm số lượng hệ thống quản lý phải áp dụng: Chỉ phải áp dụng ISO 9001 hoặc tương đương, miễn áp dụng ISO 14001 hoặc tương đương.

Lý do: Việc tuân thủ các quy định về môi trường đã được điều chỉnh bằng các quy định phát luật cụ thể.

**1.1.2. Kiến nghị thực thi**

- Sửa đổi Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018)

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

**2. Thủ tục hành chính 1**: “Đánh giá, cấp giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật quản lý an toàn quốc tế cho tàu biển (Bộ luật ISM)” (Mã: 1.000026)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng bỏ quy định thời hạn không quá ba năm đối với hạn hiệu lực Giấy chứng nhận SMC.

Lý do: thời hạn Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển được cấp có thời hạn đồng bộ với Giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật ISM.

b) Kiến nghị thực thi:

*-* Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 71:2013/BGTVT ban hành bởi Thông tư 48/2013/TT-BGTVT ngày 6/12/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

**2.1. Thủ tục hành chính 2**: Cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật ISPS) (Mã: 1.004296)

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng bỏ quy định thời hạn không quá ba năm đối với hạn hiệu lực Giấy chứng nhận SMC.

Lý do: thời hạn Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển được cấp có thời hạn đồng bộ với Giấy chứng nhận quản lý an toàn cho tàu biển theo Bộ luật ISM.

**2.2. Kiến nghị thực thi:**

*-* Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 71:2013/BGTVT ban hành bởi Thông tư 48/2013/TT-BGTVT ngày 6/12/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm trong khai thác tàu biển.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

**3. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn, báo cáo danh sách ô tô sắp hết niên hạn**

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa chế độ báo cáo theo hướng không yêu cầu báo cáo danh sách ô tô sắp hết niên hạn, chỉ yêu cầu báo cáo danh sách ô tô hết niên hạn

Lý do: đơn giản hóa các báo cáo để tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức thực hiện chế độ báo cáo

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: 2022 - 2025.

**Phần III**

**LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

**1. Thủ tục hành chính 1**: Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã 1.003570)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng đề nghị giảm bớt số lượng bộ hồ sơ phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính từ 03 bộ xuống còn 02 bộ

Lý do: giảm số bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

**2.** **Thủ tục hành chính 2**: Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa (Mã 1.004137)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng đề nghị giảm bớt số lượng bộ hồ sơ phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính từ 03 bộ xuống còn 02 bộ

Lý do: giảm số bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

**3.** **Thủ tục hành chính 3**: Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (Mã 1.004239)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng đề nghị giảm bớt số lượng bộ hồ sơ phải nộp khi thực hiện thủ tục hành chính từ 03 bộ xuống còn 02 bộ

Lý do: giảm số bộ hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

**4.** **Thủ tục hành chính 4**: Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (Mã 1.009443)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

**5.** **Thủ tục hành chính 5**: Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (Mã 1.009444)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.

**6.** **Thủ tục hành chính 6**: Thiết lập khu neo đậu (Mã 1.009448)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp *"Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền".*

Lý do: Hiện nay, theo quy định của pháp luật về đầu tư, việc thiết lập khu neo đậu không yêu cầu thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, do vậy, kiến nghị bỏ thành phần hồ sơ này nhằm tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp có thể thực hiện hoạt động đầu tư, tránh bất cập trong việc xin chủ trương đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2023 - 2025.